

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ TAB**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ TAB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAB TECHNOLOGY TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAB TECHNOLOGY., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110614411

**3. Ngày thành lập:** 25/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 31A đường Cầu Giấy, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948522522

Fax:

Email: [tabstore.vn31@gmail.com](mailto:tabstore.vn31@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4512     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;<br>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.                                                                                                                    | 4530     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.<br>(Loại trừ môi giới bảo hiểm và môi giới mua bán bất động sản).                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu, bao gồm: Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường, đồ trang sức, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi. | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                | 4652        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). | 4659        |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                         | 8299        |
| 10. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                         | 9511        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9512        |
| 12. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                      | 9521        |
| 13. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                               | 9522        |
| 14. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                 | 9529        |
| 15. | Quảng cáo<br>(Trừ các nội dung Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310        |
| 16. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                | 4783        |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                           | 4791        |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                           | 4799        |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.<br>(Không bao gồm kho ngoại quan, kho đông lạnh, cho thuê kho bãi và kinh doanh bất động sản)                                                                                                      | 5210        |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển.                                                                                                             | 7730        |
| 21. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3312        |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.                        | 4741(Chính) |
| 23. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4742        |

